

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường diễn biến cân bằng

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MWG, VPB

[Quan điểm đầu tư]

Thực hiện các hoạt động trading quay vòng giảm giá vốn cho danh mục

25/12/2019

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	960.92	+0.21
VN30	873.18	+0.38
HĐTL VN30	873.80	+0.26
HNXIndex	102.93	+0.47
HNX30	181.11	-0.10
UPCoM	55.60	-0.27
USD/VNĐ	VND23,174	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.43	-5
Lãi suất qua đêm (%)	2.24	+42
Dầu (WTI, \$)	61.06	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,499.56	+0.01



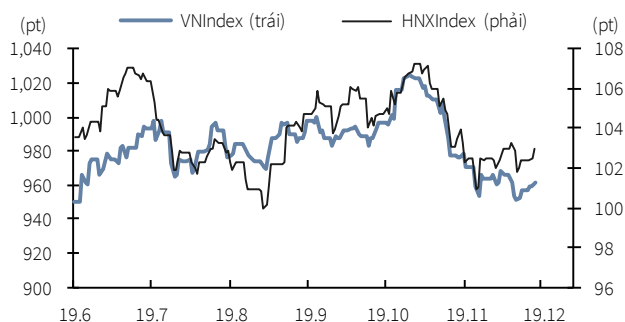
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	960.92 (+0.21%)
KLGD (triệu CP)	195.3 (+15.3%)
GTGD (triệu US\$)	172.7 (-5.7%)
HNXIndex	102.93 (+0.47%)
KLGD (triệu CP)	27.8 (+39.5%)
GTGD (triệu US\$)	10.4 (+28.7%)
UPCoM	55.60 (-0.27%)
KLGD (triệu CP)	7.7 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$)	3.8 (+18.3%)

Thị trường diễn biến tương đối cân bằng, giao động trong biên độ hẹp, với 2 chỉ số đóng cửa ở mức tăng nhẹ, thanh khoản thị trường tăng và số mã tăng/giảm xấp xỉ tương đương nhau. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến phân hóa. Rổ cổ phiếu VN30 có 11 mã tăng (GAS, BID, MSN...) và 13 mã giảm (VNM, VCB, SAB...). Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu kín room đồng loạt tăng điểm tích cực trong phiên hôm nay (CTD, FPT, MWG, PNJ...). Trong khi đó, nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao gặp áp lực chốt lời mạnh, với các mã giảm sàn như AMD, HAI, HAR... Khối nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị thấp, tập trung ở VIC, POW, SAB...

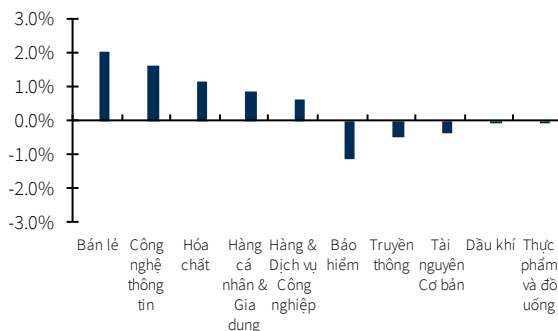
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -1.1

VN Index & HNX Index



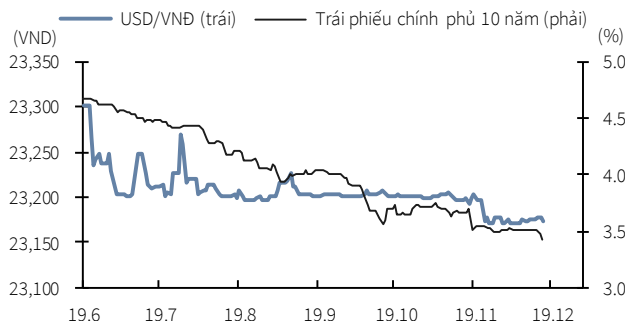
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	873.18 (+0.38%)
VN30 tương lai	873.8 (+0.26%)
Mở cửa	873.0
Cao nhất	876.0
Thấp nhất	871.5

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm, phù hợp với diễn biến tăng của chỉ số VN30 Index. Thanh khoản trên thị trường phái sinh sụt giảm mạnh, tương ứng với sự sụt giảm của khối lượng lệnh đặt mua và đặt bán, cho thấy dòng tiền đã có sự chuyển dịch 1 phần sang thị trường cơ sở trong phiên hôm nay. Chênh lệch giữa các HĐTL và chỉ số VN30 thu hẹp đáng kể (quanh mức 0.6 – 10 điểm tùy HĐ).

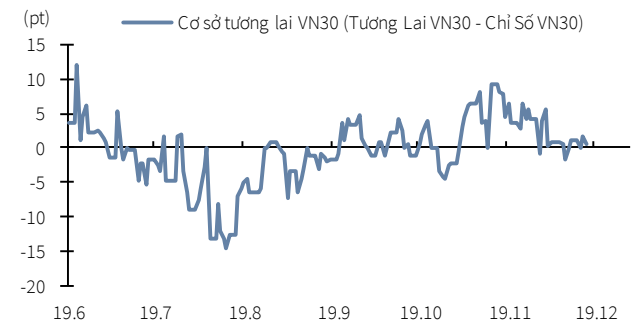
Hợp đồng	68,059 (-31.5%)
KL HĐ mở OI	N/A

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



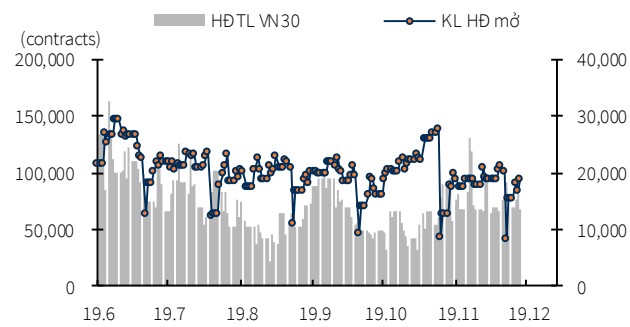
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



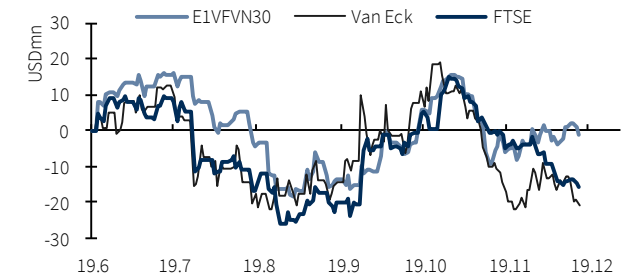
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

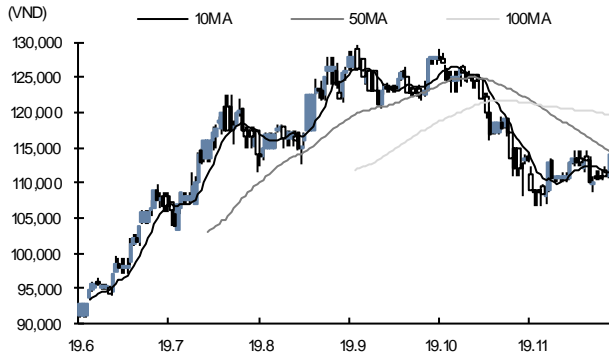
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Thế Giới Di Động (MWG)

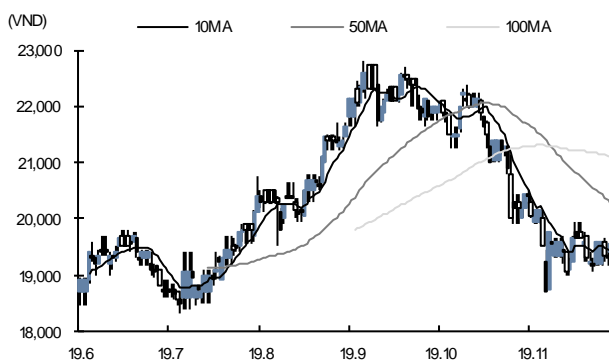


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 2.3% lên mức 113,900 VNĐ/cp.

MWG vừa công bố phương án phát hành cổ phiếu và sử dụng cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Trong đó, Công ty dự kiến phát hành mới gần 9,8 triệu cổ phiếu (tương ứng 2.4% tổng số cổ phiếu đang lưu hành), và phân phối thêm hơn 856 ngàn cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu được bán cho người lao động với giá ưu đãi 10.000 VNĐ/cp.

VPBank (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 1.3% lên mức 19,550 VNĐ/cp.

- VPB vừa thông báo hoàn tất mua lại toàn bộ dư nợ trái phiếu đặc biệt (nợ xấu) tại Công ty Quản lý Tài sản (VAMC), hoàn thành trước hạn mục tiêu từ đầu năm. Tổng giá trị dư nợ trái phiếu được VPBank mua lại từ VAMC riêng trong 2019 là hơn 3.000 tỷ đồng. Ngân hàng chỉ phải trích lập hơn 1.400 tỷ đồng để xử lý số dư nợ trái phiếu tại VAMC nói trên, tương đương khoảng 45%. Như vậy, VPBank đã trở thành một trong số ít các ngân hàng hoàn tất xử lý dứt điểm nợ xấu còn tồn đọng tại VAMC tính đến thời điểm này.

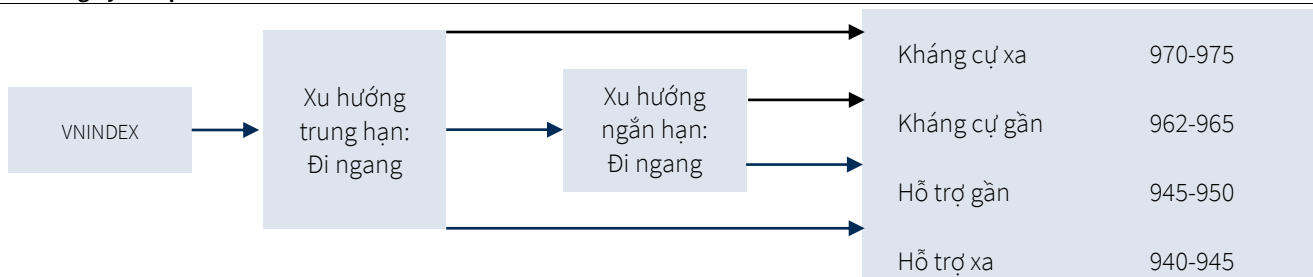
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VNIndex hồi phục như dự báo trong phiên hôm nay. Tuy nhiên, áp lực bán tại vùng kháng cự 962-965 đã thu hẹp đà tăng điểm về cuối phiên.
- Chỉ số được dự báo sẽ tiếp tục gặp áp lực rung lắc trong phiên kế tiếp do chịu ảnh hưởng bởi vùng kháng cự.
- NĐT được khuyến nghị thực hiện các hoạt động trading quay vòng giảm giá vốn cho danh mục như kế hoạch.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VN30 cũng ghi nhận phiên tăng điểm trong ngày hôm nay như kỳ vọng trước khi chịu áp lực rung lắc về cuối phiên.
- Độ lệch dương của HĐ tháng 1/2020 đã thu hẹp, phần nào phản ánh tâm lý hoài nghi của nhà đầu tư khi chỉ số đang thử thách vùng kháng cự gần tại 874-877.
- NĐT được khuyến nghị có thể chốt lời 1 phần vị thế Long đã mở trong những phiên trước, đồng thời kết hợp chiến lược trading intraday linh hoạt 2 chiều tại các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự gần trên khung giờ.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

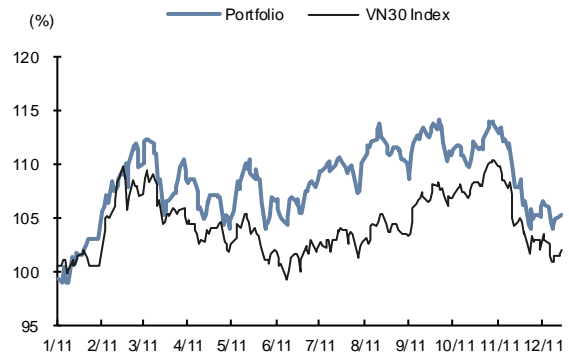
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.38%	0.44%
Tăng lũy kế (YTD)	2.128%	5.369%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/12/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113,900	2.3%	-1.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,350	0.6%	2.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	85,500	12%	115%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,000	12%	6.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,600	-0.8%	4.7%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	57,500	2.0%	49.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadep Corp (GMD)	22/08/2018	23,950	0.0%	-10.1%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Định Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,550	0.6%	-7.4%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,150	-0.2%	-1.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17,700	-0.6%	0.2%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng ngoài

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MSN	2.2%	39.0%	19.7
BID	0.7%	18.0%	9.1
VRE	-0.3%	32.8%	2.6
PPC	1.9%	16.2%	1.9
AAA	4.4%	2.5%	1.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	0.0%	14.9%	-11.9
POW	-0.8%	13.9%	-6.7
SAB	-0.2%	63.4%	-6.2
VHM	0.0%	15.0%	-5.8
VHC	0.4%	34.2%	-3.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng ngoài

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	1.5%	15.6%	2.5
IDV	0.8%	13.9%	0.5
AMV	4.2%	1.9%	0.3
IDC	3.8%	0.3%	0.2
HAD	1.9%	8.2%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SED	-1.2%	27.8%	-12.3
NTP	-0.9%	20.6%	-1.4
HHC	10.0%	0.4%	-0.9
HUT	0.0%	23.6%	-0.7
SMN	2.1%	2.0%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	3.6%	BID, VCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.1%	PNJ, TLG
Công nghệ thông tin	2.8%	FPT, SGT
Bán lẻ	2.6%	MWG, CMV
Tài nguyên Cơ bản	2.1%	HPG, DLG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-4.8%	BVH, BIC
Hóa chất	-3.5%	PHR, AAA
Y tế	-1.7%	DHG, IMP
Xây dựng và Vật Liệu	-1.6%	ROS, CTD
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%	VNM, MSN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	4.1%	BID, VCB
Ô tô và phụ tùng	3.0%	FPT, ST8
Công nghệ thông tin	2.9%	TCH, DRC
Bảo hiểm	2.6%	BVH, PGI
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.1%	PNJ, TLG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-4.9%	PHR, HRC
Truyền thông	-3.6%	YEG, PNC
Bất động sản	-3.0%	VHM, VRE
Xây dựng và Vật Liệu	-2.8%	HVN, SCS
Du lịch và Giải trí	-2.8%	ROS, CTD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	115,500	389,070 (16,789)	47,584 (2.1)	21.8	74.3	43.8	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	0.0	-0.3	-0.4	21.2
	VHM	VINHOMES JSC	83,700	275,332 (11,881)	163,274 (7.0)	34.0	14.6	10.5	35.0	33.5	35.9	4.7	3.2	0.0	-0.2	-10.2	14.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,800	74,532 (3,216)	121,338 (5.2)	16.2	27.6	21.6	18.3	9.6	10.8	2.6	2.4	-0.3	2.7	-3.0	17.6
	NVL	NOVA LAND INVES	56,500	53,621 (2,314)	18,759 (0.8)	32.2	18.4	17.4	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	0.9	1.6	-1.2	-12.0
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,850	14,618 (631)	7,686 (0.3)	4.5	15.7	12.0	20.7	12.9	15.0	2.0	1.8	0.0	2.3	1.9	5.8
	DXG	DAT XANH GROUP	14,100	7,419 (316)	19,712 (0.9)	3.3	5.2	4.9	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	0.7	0.7	-0.7	-24.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,900	333,428 (14,388)	48,558 (2.1)	6.2	20.4	15.8	24.5	24.5	24.5	4.1	3.2	-0.1	3.7	6.4	68.0
	BID	BANK FOR INVESTM	45,200	181,795 (7,845)	30,826 (1.3)	12.0	28.8	20.6	15.9	12.9	14.1	2.3	2.2	0.7	7.6	13.9	31.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,000	80,503 (3,474)	22,553 (1.0)	0.0	8.6	7.3	8.2	16.7	16.4	1.3	1.1	0.0	1.3	-1.3	-11.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,600	76,702 (3,310)	47,455 (2.0)	0.6	10.3	8.3	30.5	10.8	13.4	1.0	0.9	0.0	2.2	-2.6	6.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,550	47,658 (2,057)	24,346 (1.1)	0.0	6.1	5.1	13.0	20.6	20.6	1.2	0.9	1.3	1.6	-3.2	-2.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,000	48,839 (2,108)	66,663 (2.9)	0.0	6.4	5.6	19.0	21.1	21.0	1.3	1.1	1.2	0.0	-6.3	16.6
	HDB	HDBANK	26,700	26,193 (1,130)	33,274 (1.4)	6.3	8.2	7.0	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	-0.4	0.9	-4.0	-11.9
	STB	SACOMBANK	10,100	18,217 (786)	21,496 (0.9)	11.5	8.3	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	0.0	1.6	-0.5	-15.5
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,000	17,358 (749)	3,310 (0.1)	0.0	7.0	5.4	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	-0.2	1.0	-3.7	5.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (912)	1,345 (0.1)	0.0	27.5	26.7	9.4	5.1	8.0	1.4	1.3	-0.3	1.5	-0.9	22.4
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	68,700	50,998 (2,201)	14,981 (0.6)	23.6	39.9	30.0	19.2	8.3	9.6	2.9	2.6	-1.3	-5.9	-4.7	-22.8
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,300	2,311 (100)	862 (0.0)	11.5	13.6	-	-	7.9	-	-	-	0.0	2.4	-3.6	22.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,200	9,247 (399)	22,308 (1.0)	44.8	4.5	4.1	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	-0.8	-1.1	-10.1	-31.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	29,800	4,898 (211)	2,890 (0.1)	62.8	7.9	8.2	-14.5	16.0	13.9	1.2	1.1	1.0	1.0	-10.0	-36.0
	HCM	HOCHIMINH CITY	20,900	6,385 (276)	16,704 (0.7)	43.1	17.8	12.3	-16.4	9.8	11.5	1.5	1.4	0.5	-5.9	-12.2	-12.2
	VND	VN DIRECT SECURIT	14,450	3,014 (130)	2,553 (0.1)	8.5	9.5	8.3	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	0.3	-0.3	3.6	-11.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	118,000	205,483 (8,867)	108,182 (4.7)	41.3	21.1	19.9	6.9	38.7	38.1	7.3	6.7	-0.5	-0.5	-4.0	-1.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	232,500	149,098 (6,434)	8,114 (0.3)	36.7	29.6	24.0	25.1	33.5	36.0	8.8	7.6	-0.2	-0.2	-0.2	-13.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	55,700	65,110 (2,810)	88,375 (3.8)	10.0	14.5	12.4	-1.7	13.9	14.5	1.9	1.7	2.2	-1.2	-22.1	-28.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,150	15,686 (677)	4,978 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.7	-3.1	-11.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	143,800	75,328 (3,251)	60,445 (2.6)	10.4	13.8	11.8	6.4	38.0	37.3	4.7	3.6	0.2	0.8	0.6	19.8
	GMD	GEMADEPT CORP	23,950	7,111 (307)	4,871 (0.2)	0.0	13.0	12.1	-44.5	9.5	9.7	1.2	1.1	0.0	1.7	-0.2	-8.4
	CII	HOCHIMINH CITY	22,600	5,601 (242)	5,447 (0.2)	19.0	11.0	10.0	147.6	11.0	12.2	-	-	2.7	-0.4	-5.8	-14.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	23,050	13,083 (565)	795,090 (34.3)	44.7	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	-4.0	-7.4	-40.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,650	9,594 (414)	14,351 (0.6)	32.8	7.9	9.9	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	-0.3	-0.5	-4.1	2.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	55,500	4,234 (183)	3,565 (0.2)	1.2	6.3	6.6	-30.7	8.6	7.8	0.5	0.5	4.5	-10.0	-16.8	-65.3
	REE	REE	35,600	11,038 (476)	19,505 (0.8)	0.0	6.3	6.1	0.4	16.7	15.8	1.1	1.0	-0.8	-0.8	-1.9	15.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	96,900	185,462 (8,003)	25,336 (1.1)	45.4	15.4	15.3	2.5	25.8	25.5	3.8	3.5	0.6	1.5	-6.0	11.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,650	6,233 (269)	6,074 (0.3)	30.3	8.4	8.7	-2.6	19.8	18.4	1.6	1.6	0.2	-2.5	-5.0	-12.0
	PPC	PHALAI THERMAL	27,300	8,753 (378)	8,455 (0.4)	32.8	9.7	9.5	-9.1	16.5	16.3	1.5	1.5	1.9	-3.2	1.1	50.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,150	63,919 (2,758)	141,825 (6.1)	11.1	9.0	7.4	2.5	16.8	17.7	1.3	1.2	-0.2	2.7	4.0	-2.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,400	5,244 (226)	3,060 (0.1)	30.0	20.8	11.8	-16.2	3.5	6.2	0.7	0.7	-0.4	1.5	1.1	-39.9
	DCM	PETROCA MAU FER	6,700	3,547 (153)	896 (0.0)	46.6	8.9	10.8	-	6.4	5.3	0.6	0.6	-0.4	0.4	-2.2	-35.0
	HSG	HOA SENG GROUP	8,100	3,428 (148)	32,003 (1.4)	31.3	9.1	6.9	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-0.7	0.4	7.9	36.9
	AAA	AN PHAT PLASTIC	12,950	2,217 (096)	24,466 (1.1)	37.1	5.8	5.8	49.2	16.4	16.3	0.8	0.7	4.4	-6.5	-8.2	-11.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	66,805 (2,883)	7,715 (0.3)	6.6	17.1	16.7	10.2	19.4	20.0	3.1	3.1	0.0	0.9	-4.9	5.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,850	6,254 (270)	24,786 (1.1)	28.8	38.8	28.2	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	-0.3	-2.0	-4.2	11.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,400	4,616 (199)	4,323 (0.2)	17.2	8.8	6.6	6.9	13.4	13.8	0.9	0.8	-0.3	-1.2	-4.7	4.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	113,900	50,422 (2,176)	61,289 (2.6)	0.0	13.6	10.8	25.4	36.1	32.7	4.2	3.2	2.3	3.5	1.7	30.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	85,500	19,029 (821)	28,505 (1.2)	0.0	17.2	14.4	20.7	27.8	28.2	4.1	3.4	1.2	5.7	3.1	22.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	38,300	1,130 (049)	978 (0.0)	68.0	-	23.1	-40.0	-4.1	3.6	0.9	0.8	-0.5	-1.8	-16.1	-83.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,700	1,872 (081)	2,687 (0.1)	1.4	5.8	5.5	0.0	25.7	22.8	1.4	1.2	0.9	-10.9	-17.7	-62.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	41,400	5,610 (242)	25,027 (1.1)	42.5	5.2	5.1	31.3	30.8	35.3	1.8	1.6	3.5	-21.0	-27.4	23.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,800	12,133 (524)	1,128 (0.0)	45.6	20.4	19.1	4.0	20.1	20.0	3.7	3.4	1.8	-1.8	-0.5	17.5
	PME	PYME PHARCO JSC	54,000	4,051 (175)	492 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.1	0.0	0.0	-15.0
IT	FPT	FPT CORP	57,500	39,001 (1,683)	61,091 (2.6)	0.0	12.4	10.5	25.3	24.2	25.1	2.6	2.3	2.0	3.6	1.6	49.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.